TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2026/HNGĐ-PT
Ngày 16 -01-2026
"V/v ly hôn, tranh chấp tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Hữu Hiệu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Tuyến, bà Trần Minh Phương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Triệu Mùi Nái - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 44/2025/TLPT-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn"; do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 45/2025/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 32/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2025/QĐ-PT ngày 23 tháng 12 năm 2025, Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 01A/TB-TA ngày 07 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Bùi Đức C, sinh năm 1956; CCCD số 030056001877; nơi đăng ký thường trú: Số H Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương (nay là phường L, thành phố Hải Phòng); nơi ở: Đ, thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là thôn Đ, xã K, thành phố Hải Phòng); có mặt.

Người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Chu Thanh N và Chu Thị Ngọc A - Văn phòng Luật sư Chu Văn C1; địa chỉ: Số A T, phường H, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1963; CCCD số 030163003388; nơi cư trú: Số nhà A, Ngách B, Ngõ B Đ, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương (nay là phường T, thành phố Hải Phòng); có mặt.

Người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Luật sư Nguyễn Kiều Đ - Văn phòng L1; địa chỉ: Số A A, đường H, phường T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Luật sư Nguyễn Trọng Q - Công ty L2; địa chỉ: Số C đường L, phường T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Anh Nguyễn Chí H, sinh 1987; CCCD số 030087004003 và chị Bùi Thị Hồng N1, sinh năm 1990; CCCD số 030190009031; địa chỉ: Số H Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương (nay là phường L, thành phố Hải Phòng); anh H ủy quyền cho chị N1 tham gia tố tụng; vắng mặt.

+ Chị Bùi Thị Diễm H1, sinh năm 1997; CCCD số 030197001915; địa chỉ: Số D phố T, phường L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn Nguyễn Thị Hải Y.

Bản án sơ thẩm không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông C1 và bà Y kết hôn vào ngày 25/12/1989, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thị xã H, tỉnh Hải Hưng (nay là phường H, thành phố Hải Phòng). Theo ông C1 trình bày: Ông bà chung sống hòa thuận được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan niệm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp nên có nhiều quan điểm khác nhau, vợ chồng hay tranh luận cãi nhau, không hòa hợp, không còn tình cảm. Theo bà Y trình bày: Bà và ông C1 bất đồng quan điểm sống do ông C1 chỉ quan tâm đến họ hàng bên nhà ông C1, trong khi đó kinh tế gia đình vẫn khó khăn, hơn nữa tính ông C1 gia trưởng luôn quyết định mọi việc không tôn trọng bà nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Vì nghĩ đến con nhỏ nên bà cố gắng chịu đựng. Ông C1 và bà Y đều xác định hai ông bà đã sống ly thân từ khoảng đầu năm 2022 cho đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Ông bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, ông C1 yêu cầu ly hôn, bà Y đồng ý.

2. Về con chung: Ông C1 và bà Y trình bày thống nhất xác định có 02 con chung là Bùi Thị Hồng N1, sinh năm 1990 và Bùi Thị Diễm H1, sinh năm 1997. Hiện hai con đã thành niên đủ 18 tuổi nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung:

3.1. Ông C1 trình bày:

- Về tài sản chung:

Trước khi nộp đơn ly hôn tại Tòa án, ông C1 và bà Y đã thỏa thuận về tài sản chung vợ chồng (có biên bản thỏa thuận). Sau đó bà Y đã không thực hiện theo đúng nội dung tại biên bản thỏa thuận nên ông C1 đã làm đơn khởi kiện tại Tòa án, đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung vợ chồng là: Thửa đất số 364, 365, 366 tờ bản đồ số 7 tại xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là xã K, thành phố Hải Phòng) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Bùi Đức C.

Ngày 26/02/2025 bà Y có yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án phân chia tài sản

chung vợ chồng là các tài sản và công trình xây trên 5 thửa đất 364, 365,366 367, 368 tờ bản đồ số 07 tại xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là xã K, thành phố Hải Phòng), cụ thể có căn nhà mái thái xây dựng năm 2021 trên khuôn viên đất của 05 thửa: 364, 365, 366, 367, 368, tờ bản đồ số 7, trong đó thửa 367 và 368 là tài sản riêng của ông. Ông C đề nghị được hưởng bằng hiện vật và hưởng 55% đến 60% giá trị tài sản vì công sức của ông bỏ ra nhiều hơn bà Y.

Nguồn tiền mua thửa đất 364, 365 và 366 là do ông C có trước khi kết hôn với bà Y và tiền ông C làm ra trong thời kỳ hôn nhân, bà Y không có đóng góp gì. Nguồn tiền xây nhà tại N: là số tiền vợ chồng ông đã bán nhà ở A được 2.600.000.000đồng, trong đó 1.300.000.000đồng vợ chồng dùng tiền để xây nhà tại Đ, còn lại 1.300.000.000 đồng ông C dùng để xây nhà tại N, quá trình xây dựng ông C là người trực tiếp thuê thợ và chi trả tiền nhân công, bà Y không tham gia, do thiếu tiền ông C đã đi vay anh em họ hàng số tiền gốc là 2.000.000.000 đ (Hai tỷ đồng).

- Về nợ chung:

Ngày 18/02/2021, ông C vay của ông Bùi Đắc Doanh S tiền 500.000.000đồng (Năm trăm triệu đồng). Thời hạn vay là 03 năm kể từ ngày vay. Lãi suất cho vay bằng lãi suất cho vay của Ngân hàng A1 quy định theo từng thời điểm trong suốt thời gian vay. Tiền nợ lãi: từ ngày 18/02/2021 đến ngày 24/03/2025 là 143.500.000đồng. Tổng: 643.500.000đồng.

Ngày 25/03/2021, ông C vay ông Bùi Đắc N2 số tiền 800.000.000đồng (Tám trăm triệu đồng). Thời gian vay là 02 năm kể từ ngày nhận tiền. Lãi suất cho vay bằng lãi suất cho vay của Ngân hàng A1 quy định theo từng thời điểm trong suốt thời gian vay. Tiền nợ lãi: từ ngày 25/03/2021 đến ngày 05/03/2025 là 224.000.000 đồng. Tổng: 1.024.000.000đồng.

Ngày 20/06/2021, ông C vay của ông Bùi Đức C2 số tiền 700.000.000đồng (Bảy trăm triệu đồng). Thời hạn trả nợ là ngày 30/06/2023. Lãi suất cho vay bằng lãi suất cho vay của Ngân hàng A1 quy định theo từng thời điểm trong suốt thời gian vay. Tiền nợ lãi: từ ngày 20/06/2021 đến ngày 24/03/2025 là: 192.461.000đồng. Tổng: 892.461.000đồng.

Ngày 23/9/2025 ông C đã rút đơn khởi kiện về việc giải quyết nợ chung vợ chồng.

3.2. Bà Y trình bày:

Trong thời kỳ hôn nhân, bà và ông C tạo lập được khối tài sản chung bao gồm: Nhà, đất tại số H Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương; 05 thửa đất tại xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương (mỗi thửa 100m^2 nằm cạnh nhau tạo ra một khuôn viên chung); 01 nhà mái Thái xây dựng trên đất tại xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Các tài sản đã nêu là tài sản chung của vợ chồng, hình thành trong thời kỳ hôn nhân, được tạo lập bằng nguồn tiền của vợ chồng làm ra. Sau nhiều năm sống phải sống trong một cuộc hôn nhân bi kịch, bản thân bà bị rơi vào cảnh trầm cảm, bệnh tật và hiện vẫn thường xuyên phải điều trị. Thậm chí, bà nhiều lần muốn tìm tới cái chết vì không chịu nổi những áp lực, khổ đau, tổn thương mà

ông C đã gây ra cho bà. Đến cuối năm 2024, bằng nhiều hình thức gây sức ép, đe dọa, áp chế khác nhau, bà Y đã phải thỏa thuận với ông C phân chia một phần tài sản chung của vợ chồng, cụ thể: Phạm vi tài sản thỏa thuận phân chia: Nhà, đất tại số H Đ, phường T, thành phố H và 02 thửa đất tại xã H, huyện N (thửa 367, thửa 368). Khoản nợ chung của bà Y và ông C đối với vợ chồng con gái (Bùi Thị Hồng N1, Nguyễn Chí H) là 640.000.000đồng (bao gồm 500.000.000đồng nợ gốc và 140.000.000đồng tiền lãi). Nội dung thỏa thuận: Định giá nhà, đất tại H Đ là 4.700.000.000đồng. Giao cho ông C được quyền sở hữu toàn bộ nhà, đất tại H Đ, 02 thửa đất (367, 368 tại xã H, huyện N). Ông C trả cho bà Y số tiền 2.030.000.000đồng (lấy một nửa giá trị nhà, đất tại 87 Đào Tấn trừ đi số tiền bằng một nửa khoản nợ của vợ chồng con gái). Ông C có trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ 640.000.000đồng cho vợ chồng H, N1. Mặc dù biết rõ là một thỏa thuận không phù hợp (ông C được chia nguyên 02 thửa đất ở Hồ N, N) nhưng với mong muốn được giải thoát càng sớm càng tốt, bà Y đã chấp nhận ký các văn bản với ông C tại Văn phòng công chứng. Sau khi được ông C trả 2.030.000.000đồng, bà Y đã tạo lập chỗ ở mới tại địa chỉ số B Đ, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Đây là tài sản riêng của bà Y (ông C cũng có văn bản xác nhận khi bà làm thủ tục mua bán) và hiện nay, bà Y đang sống một mình ở địa chỉ này.

Do không đồng ý với biên bản thỏa thuận tài sản ngày 14/5/2023, ngày 23/11/2024 giữa bà Y và ông C nên bà Y đã có đơn đề nghị Tòa án phân chia khối tài sản chung còn lại chưa phân chia gồm 03 thửa đất còn lại (364, 365, 366 tờ bản đồ số 7, diện tích mỗi thửa 100m^2) tại xã H, huyện N và các tài sản cùng công trình xây dựng trên đất. Các tài sản này và giấy tờ liên quan hiện đang do ông C trực tiếp quản lý. Để giải quyết dứt điểm mọi mối quan hệ phát sinh với ông C, bà Y đề nghị Tòa án chia tài sản chung còn lại của bà và ông C hình thành trong thời kỳ hôn nhân theo quy định của pháp luật, cụ thể tài sản chung yêu cầu chia bao gồm: Thửa đất 364, 365, 366 tờ bản đồ số 7, địa chỉ: xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương; căn nhà mái thái cùng các công trình, cây cối xây dựng năm 2021 trên khuôn viên đất của 05 thửa: 364, 365, 366, 367, 368, tờ bản đồ số 7 (bà Y không xác định được căn nhà xây dựng chính xác trên những thửa đất nào).

Bà Y khẳng định có công sức đóng góp ngang với ông C trong việc tạo lập nên khối tài sản đang yêu cầu Tòa án chia. Vì vậy, bà Y đề nghị Tòa án chia mỗi người được 50% giá trị của khối tài sản chung này và mong muốn được chia bằng hiện vật. Đối với nhà cấp 4 diện tích khoảng 24,3m^2 do anh H và chị N1 tự xây dựng trên đất không được sự đồng ý của bà Y nên buộc anh chị phải tự tháo dỡ.

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông C về việc phân chia nợ chung của vợ chồng khi ly hôn, ngày 23/9/2025 ông C có đơn xin rút yêu cầu về giải quyết nợ chung bà Y đồng ý, đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết phần yêu cầu này của ông C.

3.3. Anh Nguyễn Chí H và chị Bùi Thị Hồng N1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Tại văn bản thỏa thuận về tài sản ngày 23/11/2024 giữa ông C và bà Y có nội dung: " 05 mảnh đất và 01 ngôi nhà xây dựng trên đất, địa chỉ tại xã H, huyện

N tỉnh Hải Dương, phần giá trị của các mảnh đất và giá trị 50% của ngôi nhà mà bà Y được hưởng, bà Y không lấy mà tặng lại cho 2 người con gái ruột là Bùi Thị N1 và Bùi Thị Diễm H1". Do đó, năm 2025 vợ chồng anh chị đã xây dựng 01 nhà mái proximăng diện tích 24,3m^2 trên đất. Khi xây dựng ông C và bà Y đang mâu thuẫn không chung sống cùng nhà nên sự việc trên chỉ có ông C biết, anh chị không thông báo cho bà Y. Nay ông C và bà Y đề nghị phân chia tài sản chung vợ chồng, anh chị đề nghị ai được hưởng phần đất có công trình anh chị đã xây dựng thì thanh toán cho anh chị giá trị bằng tiền.

3.4. Ông Bùi Đắc D và bà Hoàng Thị M; ông Bùi Đắc N2 và bà Bùi thị L; ông Bùi Đắc C3 và bà Lê Thị T đồng ý về việc ông C xin rút yêu cầu chia nợ chung vợ chồng và không đề nghị Tòa án giải quyết.

3.5. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ xác định: Hiện trạng sử dụng đất thửa đất 364 có diện tích 120m^2 (so với giấy chứng nhận thừa 20 m^2) thửa 365 có diện tích 111,3 m^2 (so với giấy chứng nhận thừa 11,3 m^2), thửa 366 diện tích 109,3m^2(so với giấy chứng nhận thừa 9,3 m^2). Kết quả định giá tài sản xác định: Giá trị thực tế đất ở tại nông thôn tại vị trí cần định giá là 18.000.000đồng/m^2. Giá trị quyền sử dụng đất thửa đất 364, 365, 366 là 300m^2 x 18.000.000 đồng/m^2 = 5.400.000.000đồng. Nhà ở, công trình trên đất và cây cối có giá trị: 1.529.033.000đồng.

4. Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 45/2025/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2025, Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng đã quyết định:

Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông C và bà Y.

Về con chung: Không xem xét giải quyết.

Về tài sản:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C về việc phân chia tài sản chung vợ chồng là 03 thửa đất 364, 365, 366 tờ bản đồ số 7 địa chỉ: Thôn Đ, xã K, thành phố Hải Phòng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông C.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Y về việc phân chia tài sản chung vợ chồng là nhà và các công trình, cây cối trên đất.

- Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu của ông C về yêu cầu phân chia nợ chung vợ chồng.

- Xác nhận ông C và bà Y có tài sản chung là: Thửa đất 364, 365, 366 tờ bản đồ số 07 địa chỉ: Thôn Đ, xã K, thành phố Hải Phòng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông C. Mỗi thửa đất có diện tích 100m^2, giá trị 1.800.000.000 đồng/thửa, tổng 3 thửa = 5.400.000.000đồng. Các tài sản trên đất: 01 nhà mái thái khung cột bô tông cốt thép, diện tích 128,7m^2 giá trị 1.074.134.000đồng; 01 nhà phụ sau nhà mái thái lợp ngói, diện tích 33,6m^2 giá trị 85.867.000đồng; 01 chuồng chăn nuôi cấp 4, lợp mái tôn có giá trị 84.714.000đồng; mái tôn trước chuồng chăn nuôi có giá trị 3.844.000đồng; bể nước có giá trị 10.969.000đồng; mái tôn giữa nhà chính và chuồng chăn nuôi có giá trị 15.228.000đồng; sân gạch dưới mái tôn có giá trị 6.629.000đồng; bể nước

ngầm dưới mái tôn có giá trị 65.488.000đồng; tường bao ngăn sân vườn có giá trị 9.376.000đồng; sân gạch quanh nhà chính có giá trị 28.573.000đồng; tường rào trước nhà chính có giá trị 29.831.000đồng; tường rào sau nhà chính có giá trị 17.348.000đồng; trụ cổng (02 trụ) có giá trị 1.385.000đồng; mái cổng có giá trị 2.641.000đồng; cánh cổng inox có giá trị 11.290.000đồng; 03 cây cau có giá trị 1.440.000đồng; 04 cây na có giá trị 600.000đồng; 01 cây hồng xiêm có giá trị 60.000đồng; 01 cây mít có giá trị 380.000 đồng; 01 cây xoài có giá trị 576.000 đồng, tổng giá trị tài sản (công trình và cây cối) trên đất 1.450.373.000đồng. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 6.850.373.000đồng. Chia cho ông C và bà Y mỗi người được hưởng 50% giá trị tài sản chung là 3.425.186.500đ.

- Giao cho ông C được quyền quản lý, sử dụng và sở hữu toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là tài sản chung của vợ chồng nêu trên và phải trả cho bà Y giá trị phần tài sản bà Y được hưởng là 3.425.186.500đ.

- Giao cho ông C sở hữu 01 nhà mái proximăng diện tích 24,3m^2 trên đất, ông C có trách nhiệm trả cho anh H và chị N1 giá trị nhà là 78.660.000đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định.

5. Ngày 07/10/2025 bà Y kháng cáo đề nghị được chia tài sản bằng hiện vật.

Tại phiên tòa:

Ông C, bà Y thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung của ông C, bà Y như sau: Ông C và bà Y có các tài sản chung như đã xác định tại phần quyết định của bản án sơ thẩm. Giao cho ông C sử dụng toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản chung trên đất, ông C trả chênh lệch giá trị tài sản cho bà Y số tiền 2.425.186.500đồng, trừ số tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản là 9.800.000đồngồng bà Y phải trả cho ông C theo quyết định của bản án sơ thẩm, ông C còn phải trả cho bà Y số tiền 2.415.386.500đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông C đã trả đủ cho bà Y số tiền trên. Ông C và bà Y đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm ghi nhận nội dung thỏa thuận nêu trên để làm căn cứ thi hành.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa và miễn án phí dân sự phúc thẩm cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bà Y trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông C, bà Y thống nhất thỏa thuận hai ông bà có các tài sản chung và yêu cầu Tòa án phân chia gồm:

Quyền sử dụng thửa đất số 364, 365, 366 tờ bản đồ số 7 địa chỉ: Thôn Đ, xã K, thành phố Hải Phòng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông C. Mỗi thửa đất có diện tích 100m^2, trị giá 1.800.000.000 đồng, tổng 03 thửa đất có giá trị 5.400.000.000 đồng.

Các tài sản trên đất: 01 nhà mái thái khung cột bô tông cốt thép, diện tích 128,7m^2 giá trị còn lại là 1.074.134.000 đồng. 01 nhà phụ sau nhà mái thái lợp ngói, diện tích 33,6m^2 giá trị: 85.867.000 đồng. 01 chuồng chăn nuôi cấp 4, lợp mái tôn có giá trị: 84.714.000 đồng. Mái tôn trước chuồng chăn nuôi có giá trị: 3.844.000 đồng. Bể nước có giá trị: 10.969.000 đồng. Mái tôn giữa nhà chính và chuồng chăn nuôi có giá trị: 15.228.000 đồng. Sân gạch dưới mái tôn có giá trị: 6.629.000 đồng. Bể nước ngầm dưới mái tôn có giá trị: 65.488.000 đồng. Tường bao ngăn sân vườn có giá trị: 9.376.000 đồng. Sân gạch quanh nhà chính có giá trị: 28.573.000 đồng. Tường rào trước nhà chính có giá trị: 29.831.000 đồng. Tường rào sau nhà chính có giá trị: 17.348.000 đồng. Trụ cổng (02 trụ) có giá trị: 1.385.000 đồng. Mái cổng có giá trị: 2.641.000 đồng. Cánh cổng inox có giá trị: 11.290.000 đồng. 03 cây cau có giá trị: 1.440.000 đồng. 04 cây na có giá trị: 600.000 đồng. 01 cây hồng xiêm có giá trị: 60.000 đồng. 01 cây mít có giá trị: 380.000 đồng. 01 cây xoài có giá trị: 576.000 đồng. Tổng giá trị tài sản (công trình và cây cối) trên đất: 1.450.373.000 đồng

Tổng cộng giá trị đất và tài sản trên đất là 6.850.373.000 đồng.

Ông C và bà Y thống nhất thỏa thuận giao cho ông C sở hữu và sử dụng toàn bộ tài sản chung của vợ chồng nêu trên. Ông C có trách nhiệm trả cho bà Y 2.425.186.500đồng, trừ số tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản là 9.800.000đồngồng bà Y phải trả cho ông C theo quyết định của bản án sơ thẩm, ông C còn phải trả cho bà Y số tiền 2.415.386.500đồng.

Việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm ông C đã trả đủ cho bà Y số tiền trên, Hội đồng xét xử cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm như đã phân tích nêu trên.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên bà Y không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị Hải Y, công nhận sự thỏa thuận của đương sự. Sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 45/2025/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng về quan hệ tài sản như sau:

Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn Bùi Đức C và bị đơn Nguyễn Thị Hải Y.

- Xác định ông C và bà Y có các tài sản chung và yêu cầu Tòa án phân chia gồm: Quyền sử dụng các thửa đất 364, 365, 366 tờ bản đồ số 7 địa chỉ: Thôn Đ, xã K, thành phố Hải Phòng, mỗi thửa đất có diện tích 100m^2, giá trị 1.800.000.000 đồng/thửa, tổng 3 thửa = 5.400.000.000đồng. Các tài sản trên đất: 01 nhà mái thái khung cột bê tông cốt thép, diện tích 128,7m^2 giá trị 1.074.134.000đồng; 01 nhà phụ sau nhà mái thái lợp ngói, diện tích 33,6m^2 giá trị 85.867.000đồng; 01 chuồng chăn nuôi cấp 4, lợp mái tôn có giá trị 84.714.000đồng; mái tôn trước chuồng chăn nuôi có giá trị 3.844.000đồng; bể nước có giá trị 10.969.000đồng; mái tôn giữa nhà chính và chuồng chăn nuôi có giá trị 15.228.000đồng; sân gạch dưới mái tôn có giá trị 6.629.000đồng; bể nước ngầm dưới mái tôn có giá trị 65.488.000đồng; tường bao ngăn sân vườn có giá trị 9.376.000đồng; sân gạch quanh nhà chính có giá trị 28.573.000đồng; tường rào trước nhà chính có giá trị 29.831.000đồng; tường rào sau nhà chính có giá trị 17.348.000đồng; trụ cổng (02 trụ) có giá trị 1.385.000đồng; mái cổng có giá trị 2.641.000đồng; cánh cổng inox có giá trị 11.290.000đồng; 03 cây cau có giá trị 1.440.000đồng; 04 cây na có giá trị 600.000đồng; 01 cây hồng xiêm có giá trị 60.000đồng; 01 cây mít có giá trị 380.000 đồng; 01 cây xoài có giá trị 576.000 đồng, tổng giá trị tài sản (công trình và cây cối) trên đất 1.450.373.000đồng.

- Tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là 6.850.373.000đồng.

- Giao cho ông C sử dụng và sở hữu toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là tài sản chung của vợ chồng nêu trên và phải trả cho bà Y 2.425.186.500đồng, trừ số tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản là 9.800.000đồngồng bà Y phải trả cho ông C theo quyết định của bản án sơ thẩm, ông C còn phải trả cho bà Y số tiền 2.415.386.500đồng. Ông C đã trả bà Y đủ số tiền trên tại phiên tòa.

2. Bà Nguyễn Thị Hải Y không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND khu vực 8 - Hải Phòng;
- THADS TP. Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hữu Hiệu